

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/NQ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch
phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 32/2021/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2021 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 về Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022,

QUYẾT NGHỊ:

Năm 2021 là năm diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 10 năm 2021-2030 và các kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025, nhiệm kỳ 2021-2026. Trong bối cảnh đất nước gặp những khó khăn, thách thức mới gay gắt hơn, đặc biệt là diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 và các vấn đề an ninh phi truyền thống, dưới sự lãnh đạo thống nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự giám sát hiệu quả của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương; sự đồng tình, ủng hộ, chia sẻ, tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, chúng ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, đáng trân trọng. Đã quyết liệt thực hiện lộ trình thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19; đẩy nhanh tốc độ tiêm vắc-xin phòng COVID-19, là một trong những nước có tỷ lệ bao phủ vắc-xin cao trên thế giới; kịp thời triển khai các giải pháp gia hạn, miễn, giảm một số loại thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; dành gần 71,5 nghìn tỷ đồng hỗ trợ người sử dụng lao động và người lao động. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm; thu ngân sách nhà nước (NSNN) vượt 16,4% dự toán, trong đó thu thuế, phí nội địa từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 3 khu vực kinh tế vượt khoảng 14,5% so với dự toán và tăng khoảng 11,3% so với năm 2020; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 22,6%, đạt 668,5 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay; nông nghiệp tiếp tục khẳng định vai trò trụ đỡ của nền kinh tế, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt trên 48,6 tỷ USD; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,37%,

tiếp tục là động lực tăng trưởng; thương mại, dịch vụ phục hồi tích cực. Quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường; trật tự, an toàn xã hội, độc lập chủ quyền được giữ vững; đối ngoại đạt được nhiều kết quả tích cực; uy tín, vị thế của nước ta tiếp tục được nâng cao trên trường quốc tế.

Năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025. Dự báo tình hình quốc tế, trong nước có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Dịch COVID-19 có thể diễn biến phức tạp, nguy hiểm hơn. Tăng trưởng kinh tế thế giới dự báo không đồng đều, chưa vững chắc, có thể thấp hơn năm 2021; áp lực lạm phát, rủi ro thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng. Trong nước, kinh nghiệm, năng lực, khả năng ứng phó dịch bệnh tiếp tục được nâng lên, nhưng sức chống chịu của doanh nghiệp, người dân giảm sút. Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục trong phát triển kinh tế - xã hội. Nguy cơ chậm phục hồi kinh tế, suy giảm tăng trưởng còn tiềm ẩn nếu dịch bệnh không được kiểm soát hiệu quả. Thiên tai, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường, tác động ngày càng nặng nề...

I. CHỦ ĐỀ, QUAN ĐIỂM, TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Chính phủ yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương phải tiếp tục đổi mới, chủ động thích ứng, hành động quyết liệt, hiệu quả hơn theo tinh thần chủ đề điều hành "**Đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển**" với 6 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành của năm 2022 như sau:

1. Bám sát các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, căn cứ vào tình hình thực tiễn để chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt, sáng tạo, đúng hướng, có trọng tâm, trọng điểm và có hiệu quả. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; nêu cao tinh thần tự lực, tự cường; tiếp tục xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, có khả năng chống chịu với tác động tiêu cực từ bên ngoài; nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao, biến thách thức thành cơ hội; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương; khắc phục hạn chế, yếu kém của năm 2021, nhất là các tồn tại, hạn chế kéo dài; thực hiện thành công, toàn diện mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2022, tạo nền tảng vững chắc để phát triển bền vững.

2. Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; kiên định thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp, bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của Nhân dân cùng với tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, kịp thời hỗ trợ người dân, doanh nghiệp. Xác định tiêm chủng vắc-xin, thuốc điều trị COVID-19 và nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân là các yếu tố quyết định trong kiểm soát dịch bệnh thành công để phục hồi phát triển KTXH.

3. Chủ động nắm chắc tình hình, tận dụng mọi cơ hội để thúc đẩy quá trình phục hồi, phát triển KTXH và duy trì động lực tăng trưởng trong dài hạn, khai thác các động lực tăng trưởng mới. Tập trung thực hiện 03 trọng tâm: khôi phục, thúc đẩy sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh xuất khẩu; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công và huy động mọi nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng chiến lược. Kiên trì giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm

soát lạm phát, nâng cao tính tự chủ, khả năng chống chịu, thích ứng của nền kinh tế. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế thực chất, hiệu quả. Phát triển thương mại điện tử, kinh tế số và các mô hình kinh doanh mới dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số. Tập trung xử lý các vấn đề tồn đọng, kéo dài nhiều năm.

4. Tiếp tục ưu tiên hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực hợp lý, nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, góp phần xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Chú trọng nguồn lực con người, phát triển văn hóa, giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động.

5. Bảo đảm an sinh xã hội, an dân, thực hiện tốt chính sách xã hội đối với người có công, khôi phục và ổn định thị trường lao động, tạo việc làm, cơ cấu lại lực lượng lao động, nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường thông tin, tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

6. Bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tiếp tục củng cố, tăng cường, giữ vững quốc phòng, an ninh. Chủ động hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thu hút nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phục hồi, phát triển KTXH

a) Tập trung ưu tiên triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 và Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, thực sự thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, coi đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của các cấp, các ngành ngay từ đầu năm 2022; phấn đấu tăng trưởng GDP đạt 6-6,5%, GDP bình quân đầu người đạt 3.900 USD.

Triển khai nhất quán, nghiêm túc từ Trung ương đến địa phương quy định về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; tạo thuận lợi tối đa cho lưu thông hàng hóa, lao động trở lại sản xuất sau dịch bệnh. Thần tốc hơn nữa chiến dịch tiêm vắc-xin, nhất là nghiên cứu tiêm cho trẻ em theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), tiêm mũi thứ 3, bảo đảm an toàn, khoa học, hiệu quả theo mục tiêu của Chính phủ; thúc đẩy nhanh chóng chuyển giao công nghệ, nghiên cứu, sản xuất vắc-xin, thuốc điều trị trong nước. Phát huy vai trò của mạng lưới y tế cơ sở, đội phản ứng nhanh, tổ hỗ trợ điều trị và tổ COVID-19 cộng đồng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đề cao tính tự giác, tích cực, chủ động của người dân trong phòng, chống dịch. Tuyệt đối

không được chủ quan, lơ là, mất cảnh giác và cũng không hoảng hốt, lo sợ, mất bình tĩnh, mất bản lĩnh khi dịch bùng phát.

Tập trung thực hiện có hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, triển khai kịp thời các giải pháp tài khóa, tiền tệ thực hiện Chương trình đề hỗ trợ phục hồi, phát triển nhanh sản xuất kinh doanh, nhất là trong ngành, lĩnh vực quan trọng, khôi phục các chuỗi sản xuất, cung ứng, lao động, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của người dân. Ưu tiên bố trí nguồn NSNN để tập trung nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở ở những nơi cần thiết, cấp bách và thực hiện nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác.

Thúc đẩy tiêu dùng nội địa, phấn đấu tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 7-8%. Tập trung theo dõi, phân tích, dự báo thị trường, kịp thời có giải pháp ứng phó, bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu, nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ cho sản xuất. Phát triển mạnh thương mại điện tử; đa dạng hóa thị trường, thúc đẩy xuất khẩu bền vững, tận dụng cơ hội từ thị trường có FTA, đẩy mạnh xuất khẩu chính ngạch. Tăng cường đấu tranh với hành vi gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp. Nâng cao năng lực và thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại phù hợp với các cam kết quốc tế. Xây dựng, vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo sớm đối với những mặt hàng có nguy cơ bị điều tra phòng vệ thương mại. Đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu.

Phấn đấu tỷ lệ huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt trên 35% GDP. Lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt mọi nguồn lực hợp pháp của xã hội, nhất là thông qua hợp tác đối tác công tư. Thu hút chọn lọc nguồn lực đầu tư nước ngoài, tổ chức xúc tiến đầu tư theo hướng chủ động tiếp cận, tìm hiểu, hỗ trợ các đối tác, tập đoàn lớn, công nghệ cao, đứng đầu hoặc vận hành chuỗi giá trị, chủ động phương án tạo mặt bằng sạch, hạ tầng kết nối, nhân lực... Chú trọng đối thoại chính sách, xúc tiến đầu tư tại chỗ, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp FDI.

b) Tiếp tục giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4%, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

Điều hành chủ động, linh hoạt, chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ, tài khóa và các chính sách khác. Ổn định thị trường tiền tệ. Điều hành các giải pháp tín dụng góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế; khuyến khích tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí để phấn đấu giảm lãi suất cho vay, tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp, người dân; hướng tín dụng vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên. Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động: cho vay ngoại tệ, tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, huy động vốn của doanh nghiệp, nhất là phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, quản lý chặt chẽ thu, chi ngân sách. Chống thất thu, nợ đọng thuế, chuyển giá, trốn thuế, gian lận thương mại, phấn đấu tăng thu NSNN. Đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế, thống nhất quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử, áp dụng trên phạm vi

toàn quốc từ ngày 01 tháng 7 năm 2022; mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt. Điều hành chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, theo dự toán giao. Tiết kiệm triệt để các khoản chi ngân sách, nhất là chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất đầu tư; tăng cường công tác kiểm soát chi, bảo đảm chi đúng, chi đủ, có hiệu quả; tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Kiên quyết cắt giảm những khoản chi thường xuyên ngân sách đã được giao trong dự toán đầu năm, nhưng chưa thực hiện phân bổ theo quy định, nhất là các khoản chi sự nghiệp có tính chất đầu tư, với tinh thần “thắt lưng buộc bụng” trong lúc khó khăn.

Bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách đã được ban hành như chính sách an sinh xã hội, chế độ cho lực lượng tuyến đầu phòng, chống dịch, điều chỉnh lương hưu trong năm 2022 đối với người nghỉ hưu trước năm 1995, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

Triển khai đồng bộ, phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan trung ương, địa phương trong điều hành giá, tránh gây tác động cộng hưởng, ảnh hưởng đến mục tiêu kiểm soát lạm phát. Công khai, minh bạch trong điều hành đối với giá xăng dầu và hàng hoá, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khác do nhà nước điều hành giá. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, đầu cơ, tăng giá bất hợp lý, nhất là đối với nguyên vật liệu quan trọng, mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, trang thiết bị vật tư y tế và thuốc chữa bệnh.

2. Xây dựng, hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật

a) Tập trung thể chế hóa những định hướng chính sách của Đảng; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là người đứng đầu trong công tác xây dựng pháp luật. Bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 của Quốc hội. Kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn để triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 và Chương trình phục hồi và phát triển KTXH. Nâng cao chất lượng công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật theo định hướng chuyển đổi số; đẩy mạnh truyền thông chính sách pháp luật. Thực hiện hiệu quả công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp. Tăng cường hợp tác quốc tế về pháp luật; nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa và chủ động phối hợp giải quyết các vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế. Công tác trợ giúp pháp lý chú trọng phối hợp trong hoạt động tố tụng, quan tâm, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật để chuyển đổi số và tham gia hiệu quả Phiên tòa trực tuyến. Hoàn thiện cơ chế chính sách, trong đó tập trung khai thác hiệu quả nguồn lực từ đất đai và phát triển kết cấu hạ tầng, thúc đẩy phát triển hoạt động thương mại điện tử, kinh tế số. Tập trung hoàn thiện, phê duyệt, triển khai Chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực.

b) Phát triển đồng bộ, ổn định, bền vững các loại thị trường, nhất là thị trường vốn, tiền tệ, lao động, khoa học công nghệ (KH-CN), bất động sản...

Tập trung hoàn thiện khung khổ pháp lý để quản lý thị trường tài chính, chứng khoán phát triển lành mạnh, ổn định, an toàn; chủ động tham gia thị trường

tài chính quốc tế. Hiện đại hóa, tăng cường công khai, minh bạch, kỷ cương, kỷ luật đối với thị trường tài chính, dịch vụ tài chính.

Phục hồi, củng cố, vận hành và phát triển hiệu quả thị trường lao động, bảo đảm nguồn cung lao động đối với địa bàn, lĩnh vực trọng điểm, động lực. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, kết nối cung - cầu lao động. Thúc đẩy chuyển dịch lao động sang khu vực chính thức và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Tiếp tục thúc đẩy phát triển thị trường KHCN, kết nối cung cầu công nghệ. Rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản. Hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản, theo dõi sát tình hình để xử lý kịp thời các vấn đề "nóng" phát sinh; tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về nhà ở, nhà ở công vụ, công sở và thị trường bất động sản tại địa phương.

c) Thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia và đổi mới sáng tạo, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số thiết thực, hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm. Đẩy mạnh thí điểm, thử nghiệm một số mô hình kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ áp dụng công nghệ mới để phục hồi và tạo điều kiện phát triển đột phá một số ngành nghề, lĩnh vực có cơ hội và tiềm năng lớn như: du lịch, dịch vụ, vận tải, logistics... Đẩy nhanh tái cấu trúc quy trình, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong mọi lĩnh vực, bảo đảm công khai, minh bạch, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp.

d) Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế hành chính nhà nước dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, phục vụ người dân và doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, phát triển KTXH, thích ứng linh hoạt, an toàn với dịch COVID-19; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Kiên quyết, kiên trì và đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong sạch, vững mạnh, toàn diện. Khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo chủ trương của Đảng. Hoàn thiện quy định về nền hành chính công vụ minh bạch, liêm chính; ngăn chặn, xử lý nghiêm, có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

3. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số

a) Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về đầu tư công; nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch, đảm bảo phù hợp với năng lực và khả năng thực hiện của dự án; khẩn trương, quyết liệt, hiệu quả trong chuẩn bị đầu tư, phân bổ vốn; tập trung tháo gỡ vướng mắc, tăng cường hiệu quả tổ chức thực hiện theo nguyên tắc hậu kiểm, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, phấn đấu giải ngân hết 100% kế hoạch vốn đầu tư công. Xây dựng các giải pháp thiết thực, khả thi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Phát triển các ngành, lĩnh vực theo hướng bền vững, phát triển xanh dựa

trên đổi mới sáng tạo và thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi, sử dụng năng lượng sạch, chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng KHCN

Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án công nghiệp quan trọng; hỗ trợ các nhà máy duy trì và khôi phục sản xuất để giữ đơn hàng, chuỗi cung ứng. Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo 3 nhóm sản phẩm chủ lực, theo ngành, lĩnh vực và cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp gắn với yêu cầu của thị trường; phát huy mạnh mẽ tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, địa phương. Chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất nông lâm thủy sản phù hợp với trạng thái bình thường mới và điều kiện thời tiết, dịch bệnh. Đẩy mạnh đổi mới hình thức tổ chức sản xuất gắn với chuỗi giá trị thông qua phát triển kinh tế trang trại, hợp tác xã có liên kết sản xuất với nông dân.

Cơ cấu lại, phục hồi và phát triển một số ngành, lĩnh vực dịch vụ quan trọng đang bị tác động trực tiếp bởi dịch COVID-19 như: thương mại, dịch vụ, logistics, vận tải, hàng không, du lịch... Tiếp tục thúc đẩy du lịch nội địa gắn với an toàn dịch bệnh; từng bước mở rộng đối tượng, thị trường, điềm đến trong Chương trình thí điểm đón khách quốc tế đến Việt Nam; tăng cường truyền thông, xúc tiến quảng bá du lịch Việt Nam trên nền tảng số và ứng dụng công nghệ mới.

Đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả đầu tư, chất lượng công trình xây dựng. Tăng cường kiểm soát, thanh tra, kiểm tra, giảm thiểu sự cố, chống thất thoát, lãng phí. Nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng theo hướng loại bỏ công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nguyên nhiên liệu, không đáp ứng được quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường.

Tập trung tháo gỡ vướng mắc, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Phát triển mạnh kinh tế tư nhân thực sự là một động lực, tăng cường kết nối khu vực FDI với khu vực kinh tế trong nước. Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) chuyển đổi số, công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo. Tiếp tục thúc đẩy hình thành và tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp, nhất là giữa các DNNVV với doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp lớn trong nước. Xây dựng cơ chế, chính sách để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; nghiên cứu, phát triển KHCN và tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. Phát triển cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị gắn với phát triển kinh tế địa phương hoặc quốc gia. Rà soát, sửa đổi cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

c) Thực hiện thực chất, hiệu quả hơn cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Thu hút các nguồn lực, nhất là từ xu hướng tăng trưởng xanh, các sáng kiến toàn cầu cho phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu xây dựng, triển khai chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động, phấn đấu năng suất lao động tăng khoảng 5,5%. Tiếp tục xây dựng, triển khai hiệu quả, có trọng điểm các chương trình KHCN cấp quốc gia về phát triển tài sản trí tuệ, sản phẩm quốc gia, công nghệ cao, thị trường KHCN, đổi mới công nghệ quốc gia, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp là trung tâm và phát huy tối đa thế mạnh trong hoạt động nghiên cứu khoa học của các viện nghiên

cứu, trường đại học.

d) Sớm hoàn thành phê duyệt và tổ chức triển khai đề án cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025. Đẩy mạnh thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg và quy định liên quan. Lựa chọn thời điểm, phương thức thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn phù hợp, hiệu quả, công khai, minh bạch, tránh thất thoát vốn, tài sản nhà nước. Cùng cố, phát triển một số tập đoàn kinh tế nhà nước có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có khả năng cạnh tranh. Tập trung xử lý dự án, công trình chậm tiến độ, đầu tư kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài của tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Phân đầu xử lý dứt điểm, có hiệu quả 5/12 dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả và tiếp tục xây dựng phương án xử lý đối với 7 dự án, doanh nghiệp còn lại trong năm 2022.

Tiếp tục quán triệt thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Tăng cường xã hội hóa, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng trong cung cấp dịch vụ công; xây dựng cơ chế phù hợp để thu hút nguồn lực ngoài nhà nước phát triển các lĩnh vực sự nghiệp công, ưu tiên lĩnh vực có điều kiện.

đ) Tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giám sát chất lượng tín dụng của TCTD, rà soát kỹ, đánh giá lại chính xác nợ xấu nội bảng; đẩy nhanh tiến độ xử lý, cơ cấu lại 02 ngân hàng thương mại yếu kém trong năm 2022 và tiếp tục xây dựng phương án xử lý đối với các ngân hàng yếu kém còn lại. Tích cực triển khai giải pháp chuyển đổi mô hình kinh doanh của TCTD theo hướng ứng dụng công nghệ hiện đại, đa dịch vụ, tập trung vào hoạt động, nghiệp vụ ngân hàng số.

e) Tiếp tục cơ cấu lại NSNN, tăng cường quản lý nợ công

Triển khai kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025. Khai thác dư địa thu, chủ trọng, không để thất thoát nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản và chống xói mòn cơ sở thuế. Quản lý chặt chẽ, an toàn, hợp lý bội chi ngân sách Nhà nước. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc vay, sử dụng vốn vay và trả nợ; bảo đảm thanh toán nợ đúng hạn, không để ảnh hưởng đến xếp hạng tín nhiệm quốc gia, phân đầu cải thiện triển vọng tín nhiệm quốc gia trong năm 2022; chủ động thực hiện giải pháp cơ cấu lại nợ công theo quy định.

Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN; xây dựng lộ trình cơ cấu lại, sáp nhập, giải thể đối với quỹ không hiệu quả theo tinh thần của Nghị quyết 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Phát triển nhanh hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại

a) Đẩy nhanh tiến độ xây dựng dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm, tăng cường

kết nối vùng, liên vùng, khu vực, quốc tế, nhất là công trình hạ tầng giao thông quan trọng như Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (hoàn thành một số dự án thành phần: Cam Lộ - La Sơn; Dầu Giây - Phan Thiết; Vĩnh Hảo - Phan Thiết; Mai Sơn - Quốc lộ 45); dự án đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ; dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành; đẩy nhanh tiến độ đầu tư và phân đấu đưa vào hoạt động một số tuyến đường sắt đô thị ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh... Sớm trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư các dự án quan trọng quốc gia có tính liên vùng, liên tỉnh giai đoạn 2021-2025.

b) Bảo đảm tiến độ quy hoạch, xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện trọng điểm, nhất là chương trình chuyển đổi giảm phát thải các-bon; sớm hoàn thành việc cấp điện cho địa bàn vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo. Có giải pháp xây dựng hệ thống lưới điện thông minh, hiệu quả.

c) Khẩn trương triển khai các dự án hạ tầng nền tảng số quốc gia dùng chung. Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ thông tin mở rộng đầu tư nội dung số trong các ngành công nghiệp và dịch vụ như: công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp an toàn, an ninh mạng...

d) Phát triển hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là công trình thủy lợi phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, cảng cá, trung tâm nghề cá lớn, khu neo đậu tránh trú bão; dự án hạ tầng phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, phấn đấu tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 73%.

đ) Khuyến khích phát triển hạ tầng thương mại gắn với đa dạng hóa mô hình phân phối hiện đại, hạ tầng bưu chính, viễn thông, logistics; đẩy mạnh phân phối qua thương mại điện tử, phương thức thanh toán thông minh, tạo thuận lợi cho truy xuất nguồn gốc, bảo đảm hàng hóa chất lượng, giá cả cạnh tranh. Chú trọng đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất, kho bãi, bố trí địa điểm tập kết hàng hóa, phương tiện khu vực cửa khẩu biên giới. Quan tâm đầu tư từng bước hoàn thiện hạ tầng xã hội (y tế, văn hóa, giáo dục), nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, bảo đảm an sinh xã hội.

5. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo

a) Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong dạy và học, hoàn thiện hình thức tổ chức dạy và học phù hợp với tình hình dịch bệnh. Bám sát khuyến cáo của WHO, kinh nghiệm thế giới và của Việt Nam để triển khai kịp thời, đúng tiến độ việc tiêm vắc-xin cho trẻ em để nhanh chóng đưa học sinh trở lại trường gắn với bảo đảm an toàn dịch bệnh.

b) Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp, tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, ngành nghề trọng điểm. Chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề thích ứng với điều kiện sản xuất mới, đáp ứng yêu cầu phục hồi, tái cơ cấu nền kinh tế và phát triển bền vững. Tiếp tục cập nhật chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp; nhân rộng đào tạo nhân lực có kỹ năng; hỗ trợ đào tạo cho người lao động trong

DNNVV, đối tượng chính sách khác. Phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67-68%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 27-27,5%.

c) Phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo quốc gia. Đẩy nhanh thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; tăng cường liên kết mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước. Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng quỹ phát triển KHCN cho đổi mới, hấp thụ và làm chủ công nghệ; tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Đẩy mạnh phát triển đồng bộ hạ tầng thông tin, thống kê, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về KHCN và đổi mới sáng tạo.

d) Đẩy mạnh việc xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ KHCN sử dụng NSNN, thúc đẩy thương mại hóa và nhanh chóng đưa kết quả nghiên cứu KHCN vào ứng dụng trong thực tế. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KHCN. Đổi mới cơ chế, tạo điều kiện cho nhà khoa học, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và phát triển công nghệ, hợp tác công tư trong triển khai dự án công nghệ quy mô lớn. Tăng cường nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ để đề ra giải pháp phục vụ phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

đ) Tiếp tục triển khai có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục phổ thông, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo lộ trình. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 3-4 tuổi ở nơi có điều kiện. Quan tâm giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa, khát vọng cống hiến, kỹ năng sống, kiến thức pháp luật, ý thức công dân trong hệ thống giáo dục quốc dân; xây dựng xã hội học tập. Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; giải quyết hiệu quả, cơ bản tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ. Đẩy mạnh và giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với cơ sở giáo dục đại học gắn với tăng cường kiểm định chất lượng giáo dục. Triển khai giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu gắn với giảng dạy, hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp trong cơ sở giáo dục đại học.

e) Thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách, giải pháp nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo ứng dụng và phát triển mạnh mẽ KHCN, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Chú trọng bồi dưỡng nhân tài, thu hút nguồn nhân lực KHCN, đào tạo nguồn nhân lực số, nhân lực có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động sau đào tạo.

6. Thúc đẩy phát triển liên kết vùng, khu kinh tế và phát triển đô thị, kinh tế đô thị, đẩy nhanh hơn nữa tiến độ lập, phê duyệt các quy hoạch

a) Phần đầu cơ bản hoàn thành phê duyệt trong năm 2022 các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến

năm 2050. Chú trọng phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, vùng động lực tăng trưởng mới. Khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện, ban hành thể chế điều phối vùng và quy chế phối hợp, thúc đẩy mạnh mẽ phát triển liên kết nội vùng, liên vùng; triển khai đồng bộ các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù phát triển một số địa phương, sớm tạo ra vùng động lực, cực tăng trưởng mới.

b) Đẩy mạnh triển khai các quy hoạch, kế hoạch, đề án về phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, đô thị xanh, đô thị thông minh, phát triển đồng bộ hạ tầng đô thị khu kinh tế ven biển. Phát triển hệ thống đô thị, kết nối với phát triển đường cao tốc, không gian phát triển kinh tế mới trong vùng và xây dựng nông thôn mới, gắn với quá trình đô thị hóa; có chính sách kiểm soát, quản lý dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị đảm bảo dân sinh, khắc phục tồn tại hạn chế. Đẩy mạnh quản lý phát triển không gian ngầm đô thị, nhất là ở thành phố trực thuộc Trung ương. Phần đầu tỷ lệ đô thị hóa đạt 41,5-42%.

Rà soát, phân bổ, tổ chức lại không gian phát triển các ngành, lĩnh vực hài hòa, hợp lý giữa đô thị và nông thôn tại từng vùng, địa phương; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế đô thị theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững, phát triển nhanh kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, các ngành công nghiệp động lực và dịch vụ có sức cạnh tranh.

7. Phát triển văn hóa hài hoà và ngang tầm với phát triển kinh tế, xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; tiếp tục phát huy hơn nữa giá trị văn hoá, con người Việt Nam

a) Triển khai hiệu quả Kết luận của Tổng Bí thư tại Hội nghị văn hóa toàn quốc; Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 06-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác gia đình. Phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành động lực, sức mạnh nội sinh thúc đẩy phát triển bền vững đất nước. Thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hoá. Tổ chức phù hợp các hoạt động văn hóa, thể thao, lễ hội, nghệ thuật biểu diễn gắn với bảo đảm an toàn dịch bệnh. Nâng cao hiệu quả các thiết chế văn hoá, nhất là ở các khu công nghiệp, khu đô thị mới; bảo tồn, phát huy các giá trị di sản, văn hoá tốt đẹp. Tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, chú trọng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, xây dựng gia đình tiến bộ, ấm no, hạnh phúc; kết nối cộng đồng, các tổ chức văn hóa, nghệ thuật. Đẩy mạnh và đổi mới công tác văn hóa đối ngoại.

b) Thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng; đẩy mạnh thực hiện chi trả trợ cấp người có công, trợ giúp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ bưu chính công ích. Tiếp tục triển khai tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ và xác định danh sách hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin; xác nhận, công nhận người có công với cách mạng.

c) Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, nhất là trong dịp Lễ, Tết Nguyên đán và giáp hạt đầu năm 2022. Hỗ trợ kịp thời về lương thực, nhà ở, nhu yếu phẩm thiết yếu cho người

dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh; không đề sót đối tượng, địa bàn cần hỗ trợ. Xây dựng cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội, thực hiện đăng ký hưởng và chi trả điện tử chính sách trợ giúp xã hội gắn với dịch vụ công trực tuyến. Nghiên cứu đề xuất chính sách trợ giúp xã hội đối với người thu nhập thấp, người nghèo, hộ nghèo không có người trong độ tuổi lao động.

d) Hoàn thiện và tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời chính sách giảm nghèo, duy trì mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) khoảng 1-1,5 điểm phần trăm/năm. Đẩy mạnh hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tập trung đầu tư và kết nối địa bàn nghèo, vùng lõi nghèo. Tăng cường hiệu quả truyền thông để huy động tối đa nguồn lực cho giảm nghèo, khơi dậy ý chí vươn lên, chủ động thoát nghèo.

Đ) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường giám sát, xử lý kịp thời vướng mắc phát sinh, mở rộng bao phủ và phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện, nâng tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt mức 92%. Phấn đấu giảm số đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần, giảm tình trạng trốn đóng, chậm đóng bảo hiểm xã hội. Nghiên cứu điều chỉnh mức giá dịch vụ y tế gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và hỗ trợ phù hợp các nhóm đối tượng. Quản lý chặt chẽ thuốc chữa bệnh, vật tư, thiết bị y tế theo quy định của pháp luật; bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

e) Tiếp tục rà soát, ban hành, triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả chính sách hỗ trợ người lao động, giải quyết việc làm cho người lao động; hỗ trợ người lao động vay vốn giải quyết việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm. Tiếp tục hoàn thiện các quy định về tiền lương để khuyến khích người lao động quay trở lại làm việc; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong bối cảnh mới. Nâng cao hiệu quả công tác an toàn, vệ sinh lao động, từng bước đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.

g) Khẩn trương hoàn thiện thủ tục, triển khai nhanh, hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Triển khai quyết liệt chính sách phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, hỗ trợ người lao động mua, thuê mua, thuê nhà.

h) Thực hiện hiệu quả chính sách pháp luật, chương trình, đề án về lĩnh vực trẻ em. Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện, bảo đảm thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em; chú trọng phát triển toàn diện trẻ em đến 8 tuổi, đặc biệt giai đoạn 36 tháng đầu đời. Chủ động thực hiện giải pháp phòng ngừa, kiểm soát, giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị bạo lực, xâm hại, xử lý nghiêm minh, kịp thời các trường hợp vi phạm; giảm tai nạn, thương tích ở trẻ em; giảm thiểu lao động trẻ em. Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục kiến thức pháp luật, kỹ năng về thực hiện quyền trẻ em.

i) Thực hiện hiệu quả Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2030. Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào vị trí quản lý, lãnh đạo. Thí điểm mô hình hỗ trợ, thúc đẩy bình đẳng giới và phòng ngừa, giảm thiểu bạo lực trên cơ sở giới tại phường, xã, tổ dân phố.

k) Nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng và y tế cơ sở ngay trong năm 2022, phấn đấu có 9,4 bác sỹ và 29,5 giường bệnh trên 10.000 dân. Triển khai hiệu quả chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu. Cùng cố, hoàn thiện và phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, hình thành hệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh đồng bộ ở các cấp. Xây dựng đề án, cơ chế hình thành các khu phức hợp y tế hiện đại ngang tầm khu vực. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, khoa học công nghệ trong quản lý và khám, chữa bệnh. Thực hiện giải pháp nhằm giảm thiểu sự chênh lệch chất lượng dịch vụ và nhân lực y tế giữa các tuyến, vùng, miền. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, phổ biến kiến thức về chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh, an toàn thực phẩm, quy trình quản lý chất lượng tiên tiến, an toàn; chú trọng đối tượng là hộ sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, chú trọng giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số.

l) Thực hiện tốt vai trò chủ nhà, chuẩn bị chu đáo các điều kiện để tổ chức thành công các ngày Lễ lớn, sự kiện trọng đại, bảo đảm tiết kiệm, an toàn dịch bệnh. Phấn đấu đạt thành tích cao tại các sự kiện thể thao quan trọng.

m) Tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa công tác dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng. Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện Đề án tổng thể phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Tạo điều kiện cho tổ chức tôn giáo tham gia tuyên truyền, vận động, thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

8. Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Trình Quốc hội dự án Luật Đất đai (sửa đổi). Huy động, sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lực từ đất đai, tài nguyên; tập trung rà soát, xử lý nghiêm vi phạm; duy trì độ che phủ rừng tối thiểu ở mức 42%. Chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển, điện gió ngoài khơi. Quản lý bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, bảo đảm an ninh nguồn nước; thúc đẩy hợp tác quốc tế trong quản lý, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới. Xây dựng tài nguyên số, dữ liệu số về tài nguyên và môi trường, sớm hoàn thành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu số đất đai quốc gia, cơ sở dữ liệu quan trắc; vận hành Cổng thông tin dữ liệu địa lý quốc gia.

b) Tạo chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức, đến hành động của toàn xã hội về công tác bảo vệ môi trường, phục hồi các hệ sinh thái. Khuyến khích phát triển dự án xanh, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất theo mô hình tuần hoàn, ít phát thải. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư phát triển cơ sở xử lý, tái chế chất thải, rác thải với mô hình công nghệ phù hợp. Phấn đấu tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%; khoảng 91% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường. Phát triển hệ thống quan trắc, giám sát môi trường dựa trên giải pháp thông minh.

c) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các giải pháp đột phá, chiến

lược, các chương trình, đề án, dự án cụ thể để hiện thực hóa các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP 26); chủ động tận dụng các hỗ trợ về tài chính, công nghệ, thu hút các dòng vốn đầu tư vào phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu; triển khai các mô hình thích ứng, tăng cường sức chống chịu, giảm thiểu tổn thất do thiên tai, biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, chuyển đổi mô hình phát triển năng lượng. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai; nâng cao năng lực, chủ động triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp tục huy động nguồn lực, xây dựng các dự án cụ thể để thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu và Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

9. Tăng cường công tác xây dựng Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

a) Tiếp tục đẩy mạnh và làm tốt hơn nữa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Xây dựng Chính phủ, chính quyền các địa phương thật sự trong sạch, liêm chính, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Triển khai, thực hiện nghiêm các nghị quyết, quyết định của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

b) Hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ, đặc biệt là kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy bên trong các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, tạo chuyển biến rõ nét trong năm 2022. Tiếp tục nghiên cứu thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

c) Tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xác định vị trí việc làm làm cơ sở tinh giản và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; xây dựng và thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ; nâng cao đạo đức, văn hoá, tính chuyên nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm khi có sai phạm.

d) Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2026; cắt giảm thực chất các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và đẩy mạnh chuyển đổi số, tạo chuyển biến rõ nét trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ điện tử, hướng đến Chính phủ số, gắn với sắp xếp, tinh gọn đầu mối tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18 và 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; xây dựng Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và

cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

đ) Triển khai đầy đủ các nội dung kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại Hội nghị toàn quốc các cơ quan nội chính có liên quan đến Chính phủ. Thực hiện đồng bộ nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống tham nhũng; đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án, vụ việc nghiêm trọng, xã hội quan tâm. Tăng cường năng lực, tập trung thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực: quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý tài chính, ngân sách; đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng đất đai; quản lý khai thác tài nguyên, khoáng sản; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước... nhằm chấn chỉnh quản lý, phát hiện, xử lý kịp thời vi phạm pháp luật, tham nhũng, tiêu cực.

e) Thực hiện nghiêm quy định về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật vụ việc mới phát sinh và tiếp tục kiểm tra, rà soát, giải quyết dứt điểm vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.

10. Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

a) Theo dõi, nắm chắc tình hình, tham mưu với Đảng, Nhà nước xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, nhất là biên giới đất liền và trên biển. Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; bảo vệ chế độ và thành quả cách mạng xã hội chủ nghĩa, trên tinh thần lợi ích quốc gia, dân tộc là trên hết. Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; không để hình thành tổ chức chính trị đối lập trong nội địa; giải quyết kịp thời hiệu quả các vấn đề nảy sinh về an ninh, trật tự ngay từ đầu và tại cơ sở, không để hình thành "điểm nóng" về an ninh, trật tự. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại. Triển khai đề án, kế hoạch về tăng cường tiềm lực quốc phòng kết hợp với phát triển KTXH; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại.

b) Triển khai đồng bộ giải pháp bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh xã hội, an ninh công nhân, an ninh các địa bàn chiến lược. Triển khai hiệu quả chương trình, chính sách, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phòng, chống tệ nạn xã hội. Tập trung trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, kiềm chế gia tăng tội phạm, tạo chuyển biến tích cực về trật tự, an toàn xã hội. Đẩy nhanh tiến độ điều tra, xử lý các vụ án do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, sự cố môi trường.

11. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, góp phần củng cố vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế

a) Quán triệt, triển khai đường lối đối ngoại của Đảng, phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động nguồn lực bên ngoài để phát triển, nâng cao vị thế, uy tín của đất nước.

b) Triển khai nghiêm túc kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc. Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương với các đối tác, đặc biệt là đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, đối tác quan trọng khác, xử lý hài hòa quan hệ với các nước lớn, tạo thế đan xen lợi ích, tăng độ tin cậy. Thực hiện hiệu quả Chỉ thị của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương. Tiếp tục chủ động, tích cực tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, hợp tác tiểu vùng sông Mê Công, các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế, trong những vấn đề và cơ chế quan trọng có tầm chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng, điều kiện cụ thể.

c) Tổ chức tốt các hoạt động đối ngoại cấp cao; đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế, văn hóa khai thác hiệu quả các khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, hiệp định thương mại tự do (FTA). Tiếp tục đẩy mạnh ngoại giao y tế, tăng cường ngoại giao kinh tế phục vụ thiết thực cho phục hồi, phát triển KTXH và thúc đẩy những động lực mới cho tăng trưởng bền vững. Thực hiện tốt hơn nữa công tác thông tin đối ngoại, ngoại giao văn hóa, bảo hộ công dân và công tác người Việt Nam ở nước ngoài.

12. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội.

a) Tập trung thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước; chú trọng tuyên truyền về khát vọng phát triển quốc gia, cổ vũ mô hình hay, cách làm sáng tạo, gương người tốt, việc tốt; kịp thời đấu tranh phản bác quan điểm, tư tưởng sai trái; triệt phá, gỡ bỏ, ngăn chặn các thông tin xấu, độc, sai sự thật; xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm.

b) Tiếp tục nâng cao chất lượng nội dung các chương trình, thời lượng, chuyên trang, chuyên mục, tuyến tin bài, phóng sự khẳng định thành tựu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế; các định hướng lớn trong Văn kiện Đại hội XIII và kết quả các hội nghị toàn quốc của Đảng; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về các chính sách phòng, chống dịch COVID-19; định hướng thông tin, tạo dư luận xã hội tích cực, tác động người dân đồng thuận, tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ Nhân dân. Các cơ quan báo chí, truyền thông chấp hành nghiêm kỷ luật thông tin; thực hiện đúng quy định và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền trong thời lượng đưa tin về hoạt động của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước

c) Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phấn đấu hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH đã đề ra.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Quán triệt nghiêm túc phương châm phát huy tối đa các mặt tích cực, kết quả đạt được trong những năm qua, khẩn trương kiên quyết, kiên trì khắc phục những mặt còn hạn chế, bất cập; theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, ngành, địa phương mình, kịp thời xử lý vấn đề phát sinh; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của Bộ, ngành, địa phương mình.

b) Trước ngày 20 tháng 01 năm 2022, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ và phân công đơn vị chủ trì thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2022.

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ theo dõi sát diễn biến trong nước, quốc tế, chủ động phân tích, đánh giá, dự báo để có giải pháp kịp thời, tổng thể, đồng bộ, tận dụng thời cơ, thuận lợi, giảm thiểu tác động tiêu cực đối với nền kinh tế và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; tăng cường và đẩy mạnh đầu tư chuyển đổi số, thực hiện công tác thống kê kịp thời, chính xác; định kỳ hằng quý cập nhật kịch bản phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, cập nhật kịch bản tăng trưởng chung của quốc gia tại Phụ lục số 2.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; định kỳ hằng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu tại các Phụ lục số 1, số 3, các nhiệm vụ tại Phụ lục số 4, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

đ) Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và chuẩn bị nội dung xây dựng Nghị quyết của Chính phủ cho năm 2023, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 11 năm 2022 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ tháng 12 năm 2022.

2. Các Bộ, ngành tổng hợp, phụ trách theo dõi các lĩnh vực kinh tế vĩ mô có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong tham mưu, đề xuất giải pháp, biện pháp cụ thể điều hành kinh tế vĩ mô, kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và cơ quan liên quan đôn đốc, theo dõi, đánh giá, kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp chặt chẽ, quyết liệt với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ CôngTTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, KTTH (2b). *MLD*

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Phạm Minh Chính



Phụ lục số 1

CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022 Quốc hội giao	Mục tiêu phấn đấu của Chính phủ	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	Khoảng 6-6,5	Khoảng 6-6,5	Bộ KHĐT
2	GDP bình quân đầu người	USD	3.900	3.900	Bộ KHĐT
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%	Khoảng 25,5-25,8	Khoảng 25,5-25,8	Bộ KHĐT
4	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Khoảng 4	Khoảng 4	Bộ KHĐT
5	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân	%	Khoảng 5,5	Khoảng 5,5	Bộ KHĐT
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	27,5	27,5	Bộ KHĐT
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo Trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ	%	67 Khoảng 27-27,5	67-68 Khoảng 27-27,5	Bộ LĐTBXH
8	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%	Dưới 4	Dưới 4	Bộ LĐTBXH
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	điểm %	1-1,5	1-1,5	Bộ LĐTBXH

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVien

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022 Quốc hội giao	Mục tiêu phấn đấu của Chính phủ	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
10	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Bác sĩ	9,4	9,4	Bộ YT
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường bệnh	29,5	29,5	Bộ YT
12	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	92	92	Bộ YT
13	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	73	73	Bộ NNPTNT
14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	89	90	Bộ TNMT
15	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	91	91	Bộ KHĐT



Phụ lục số 2

KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) NĂM 2022 THEO GIÁ SO SÁNH 2010

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

Đơn vị: %

TT	Ngành kinh tế	Kịch bản tăng trưởng GDP năm 2022						
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	Cả năm
	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	4,9 - 5,4	5,4 - 5,9	5,1 - 5,7	7,5 - 8	5,9 - 6,4	6,2 - 6,7	6 - 6,5
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2,8 - 3,1	2,6 - 2,9	2,7 - 3	2,5 - 2,8	2,6 - 2,9	2,3 - 2,6	2,5 - 2,8
2	Công nghiệp và xây dựng	5 - 5,8	5,2 - 6,1	5,1 - 6	8,7 - 9,5	6,3 - 7,1	5,8 - 6,6	6,1 - 7
a)	Công nghiệp	5,4 - 6,3	5,6 - 6,5	5,5 - 6,4	9,2 - 10,1	6,7 - 7,6	5,5 - 6,4	6,4 - 7,3
-	Khai khoáng	-5,1 - -4,6	-7,3 - -6,8	-6,2 - -5,7	-2,7 - -2,2	-5,1 - -4,5	-4,4 - -3,9	-4,9 - -4,4
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	6,8 - 7,8	7,2 - 8,2	7 - 8	10,8 - 11,8	8,2 - 9,2	6,4 - 7,4	7,7 - 8,7
-	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	5,1 - 5,6	6 - 6,5	5,5 - 6	9,2 - 9,8	6,7 - 7,3	8,1 - 8,6	7,1 - 7,6
-	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	5 - 5,5	6,2 - 6,6	5,6 - 6	8,6 - 9,1	6,6 - 7,1	7,1 - 7,6	6,8 - 7,2
b)	Xây dựng	2,9 - 3,4	3,3 - 3,8	3,1 - 3,6	6,3 - 6,8	4,2 - 4,7	6,7 - 7,3	5 - 5,6
3	Dịch vụ	5,4 - 5,8	6,3 - 6,6	5,8 - 6,2	8 - 8,3	6,5 - 6,9	7,6 - 7,9	6,8 - 7,2
-	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	5,9 - 6,4	7 - 7,5	6,4 - 6,9	11,5 - 12,1	7,9 - 8,4	8,5 - 9	8 - 8,6
-	Vận tải, kho bãi	4,6 - 5,6	5,9 - 6,9	5,2 - 6	8,1 - 9,1	6,1 - 7,1	7,5 - 8,5	6,5 - 7,5
-	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2,6 - 2,7	2,4 - 2,6	2,5 - 2,6	6,9 - 7,1	3,4 - 3,6	7 - 7,2	4,6 - 4,8
-	Thông tin và truyền thông	5,9 - 6,1	6,4 - 6,6	6,2 - 6,3	8 - 8,2	6,8 - 7	9,4 - 9,6	7,5 - 7,7
-	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	7,3 - 7,8	8 - 8,5	7,6 - 8,1	8,4 - 8,9	7,9 - 8,4	8,7 - 9,2	8,1 - 8,6
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	4,7 - 5,2	5,2 - 5,8	4,9 - 5,5	7,3 - 7,8	5,7 - 6,2	5,8 - 6,4	5,7 - 6,3



Phụ lục số 3
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2022	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô			
1	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng	%	< 3	NHNNVN
2	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), nợ đã thực hiện các biện pháp phân loại nợ ¹	%	< 5	NHNNVN
3	Tỷ trọng chi thường xuyên (không bao gồm chi cải cách tiền lương và tinh giản biên chế)	%	62,3	Bộ TC
4	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển	%	29,5	Bộ TC
5	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu	%	Khoảng 8	Bộ CT
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP	%	Khoảng 35	Bộ KHĐT
II	Một số chỉ tiêu về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng			
7	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá	%	> 50	Bộ KHCN
8	Chỉ số đổi mới sáng tạo quốc gia	Thứ hạng	Trong nhóm 03 nước dẫn đầu của ASEAN	Bộ KHCN
9	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	7-8	Bộ CT

¹ Không bao gồm nợ xấu của các NHTM yếu kém, nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung) của NHNN.

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2022	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
10	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	7-8	Bộ CT
11	Tăng trưởng thị trường thương mại điện tử B2C	%	17-20	Bộ CT
12	Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử	%	54-58	Bộ CT
13	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển	Triệu tấn	750	Bộ GTVT
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	3	
III	Một số chỉ tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng			
14	Điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống điện quốc gia	Tỷ Kwh	276	Bộ CT
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	7,9	
15	Diện tích nhà ở bình quân cả nước	m ² sàn/người	25,5	Bộ XD
16	Số thuê bao băng rộng cố định trên 100 dân	Thuê bao	22	Bộ TTTT
17	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	Thuê bao	85	Bộ TTTT
18	Thị phần dịch vụ điện toán đám mây của doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường nội địa	%	40	Bộ TTTT
19	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang	%	75	Bộ TTTT
20	Tỷ lệ dân số được phủ sóng di động 5G	%	8	Bộ TTTT
21	Tổng số điểm phục vụ bưu chính	Điểm	22.700	Bộ TTTT
22	Tỷ lệ người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo được tiếp cận ít nhất 1 loại hình báo chí thiết yếu	%	75	Bộ TTTT
23	Tỷ lệ xuất bản phẩm điện tử trên số xuất bản phẩm	%	11	Bộ TTTT
24	Số lượng tài khoản người dùng Việt Nam đăng kí sử dụng mạng xã hội Việt Nam	Triệu tài khoản	95	Bộ TTTT
25	Tỷ lệ sử dụng địa chỉ Internet thế hệ mới IPv6 trên mạng Internet Việt Nam	%	52	Bộ TTTT
26	Tỷ lệ người sử dụng Internet	%	74	Bộ TTTT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2022	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
27	Số doanh nghiệp công nghệ số	Doanh nghiệp	70.000	Bộ TTTT
IV	Một số chỉ tiêu về phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xây dựng nông thôn mới			
28	Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	90.000	Bộ LĐTBXH
29	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	37-38	Bộ LĐTBXH
30	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo thất nghiệp	%	31	Bộ LĐTBXH
31	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	70	Bộ YT
32	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	73,8	Bộ YT
33	Tổng tỷ suất sinh (số con sinh ra sống bình quân trên một phụ nữ)	Con/phụ nữ	2,1	Bộ YT
34	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	111,4	Bộ YT
35	Số được sỹ đại học trên 10.000 dân	Người	3,03	Bộ YT
36	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	Người	15,0	Bộ YT
37	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	%	13,5	Bộ YT
38	Tỷ suất tử vong của trẻ em < 5 tuổi (trên 1.000 trẻ đẻ sống)	%	20,0	Bộ YT
39	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân của trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng theo tuổi)	%	11,0	Bộ YT
40	Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi (chiều cao/tuổi)	%	20,4	Bộ YT
41	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng mở rộng đầy đủ các loại vắc xin	%	>95	Bộ YT
42	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2021-2030	%	60	Bộ YT
43	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ làm việc	%	94	Bộ YT
44	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	>80	Bộ YT
45	Tỷ lệ người lao động có nguy cơ được quản lý và khám phát hiện bệnh	%	30	Bộ YT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2022	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	nghề nghiệp			
46	Tỷ lệ chất thải y tế của bệnh viện được xử lý đạt quy chuẩn	%	93	Bộ YT
47	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	30	Bộ GDĐT
48	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	92	Bộ GDĐT
49	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Đơn vị	38	Bộ GDĐT
50	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Đơn vị	25	Bộ GDĐT
51	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 1)	Đơn vị	49	Bộ GDĐT
52	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 2)	Đơn vị	10	Bộ GDĐT
53	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 3)	Đơn vị	4	Bộ GDĐT
54	Tỷ lệ số người biết chữ trong độ tuổi theo quy định	%	98,64	Bộ GDĐT
55	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sĩ	%	32	Bộ GDĐT
56	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới	%	77	Bộ NNPTNT
57	Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Đơn vị	235	Bộ NNPTNT
58	Ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời các thông tin xấu, độc, sai sự thật mà phát hiện và xác minh được trên mạng xã hội	%	80-95	Bộ TTTT
59	Chỉ số đăng ký đất đai và chất lượng quản lý hành chính đất đai	Bậc	1	Bộ TNMT
60	Hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến	%	80	Bộ TNMT
61	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	93-94	Bộ XD
V	Một số chỉ tiêu về cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử,			

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2022	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh			
62	Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ bình quân cả nước (Par-Index)	%	85,5	Bộ NV
63	Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bình quân cả nước (Par-Index)	%	82	Bộ NV
64	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bình quân cả nước (SIPAS)	%	86	Bộ NV
65	Tỷ lệ tinh giản biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN	%	Giảm 2,96% so với năm 2021	Bộ NV
66	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các bộ, ngành, địa phương lên Cổng Dịch vụ công quốc gia tăng thêm so với năm 2021	%	20	VPCP
67	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	30	VPCP
68	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	60	VPCP
69	Tỷ lệ cung cấp thanh toán trực tuyến đối với các khoản thuế nội địa của doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	100	VPCP
70	Tỷ lệ các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các bệnh viện từ hạng 2 trở lên cung cấp thanh toán viện phí, học phí trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	50	VPCP
71	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng dịch vụ công quốc gia	%	100	VPCP

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2022	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
72	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng			
	<i>Đối với các vụ, cục và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i>	%	100	VPCP
	<i>Đối với các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện.</i>	%	90	VPCP
	<i>Đối với UBND cấp xã.</i>	%	70	VPCP
73	Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa quy định; chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.	%	10	VPCP
74	Tỷ lệ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được tham vấn, lấy ý kiến trên Cơ sở dữ liệu và Công tham vấn quy định kinh doanh.	%	100	VPCP
75	Tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng đối với toàn bộ các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh thuộc lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực xây lắp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng ²	%	100	Bộ KHĐT

² Trừ trường hợp đối với gói thầu chưa thể tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng hoặc các gói thầu có tính đặc thù.



Phụ lục số 4
MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
I	Tập trung thực hiện hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phục hồi và phát triển KTXH		
1	Chương trình phục hồi và phát triển KTXH	Quý I	Bộ KHĐT
2	Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 (2022-2023)	Quý I	Bộ Y tế
3	Chương trình hành động thực hiện Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030	Tháng 11	Bộ KHĐT
4	Đề án tháo gỡ khó khăn vướng mắc, giải phóng nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế, xã hội phục hồi sau đại dịch COVID-19	Tháng 4	Bộ TNMT
II	Xây dựng, hoàn thiện thể chế và tổ chức thi hành pháp luật		
5	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ	Quý I	Bộ, cơ quan ngang Bộ
6	Dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật An ninh quốc gia	Năm 2022	Bộ CA
7	Đề nghị của Chính phủ về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022	Tháng 1	Bộ TP

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuot.vn

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
8	Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2022-2027	Tháng 3	Bộ TP
9	Đề án đánh giá hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật	Tháng 3	Bộ TP
10	Đề nghị xây dựng Dự án Luật Công chứng (sửa đổi)	Tháng 6	Bộ TP
11	Đề án Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân	Tháng 6	Bộ TP
12	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022	Tháng 6	Bộ TP
13	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 3	Tháng 7	Bộ TP
14	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 4	Tháng 11	Bộ TP
15	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí trên môi trường điện tử	Tháng 12	Bộ TP
16	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản	Tháng 12	Bộ TP

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
17	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp	Tháng 12	Bộ TP
18	Đề án Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030	Tháng 12	Bộ TP
19	Nghị định về đăng ký biện pháp bảo đảm	Năm 2022	Bộ TP
20	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế	Quý I	Bộ TC
21	Nghị định quy định thực hiện kết nối và chia sẻ thông tin trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh người và phương tiện theo Cơ chế một cửa Quốc gia	Tháng 6	Bộ TC
22	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng	Tháng 6	Bộ TC
23	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	Tháng 7	Bộ TC
24	Nghị định quy định việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn điện lực Việt Nam quản lý	Tháng 6	Bộ TC
25	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân	Tháng 11	Bộ TC

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
26	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Tháng 11	Bộ TC
27	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước	Tháng 11	Bộ TC
28	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	Tháng 12	Bộ TC
29	Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông	Tháng 12	Bộ TC
30	Nghị định thay thế Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01/3/2007; Nghị định số 78/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ về kinh doanh xổ số	Tháng 12	Bộ TC
31	Nghị định của Chính phủ quy định về Biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan	Tháng 10	Bộ TC
32	Nghị định thay thế Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 về kinh doanh casino	Quý III	Bộ TC
33	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2017/NĐ-CP ngày 24/01/2017 về kinh doanh đặt cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế	Quý I	Bộ TC
34	Nghị định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân	Quý I	Bộ TC

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
35	Dự án Luật Dầu khí (sửa đổi)	Năm 2022	Bộ CT
36	Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (thay thế Nghị định số 79/2015/NĐ-CP)	Tháng 5	Bộ LĐTBXH
37	Nghị định của Chính phủ điều chỉnh mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng	Tháng 5	Bộ LĐTBXH
38	Dự án Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi)	Năm 2022	Bộ TTTT
39	Dự án Luật Tần số vô tuyến điện (sửa đổi)	Năm 2022	Bộ TTTT
40	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 13/4/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản	Năm 2022	Bộ TTTT
41	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi	Quý I	Bộ NNPTNT
42	Nghị định quy định về chính sách đầu tư hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi đến năm 2030	Quý III	Bộ NNPTNT
43	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.	Quý III	Bộ NNPTNT
44	Nghị định về chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại	Quý IV	Bộ NNPTNT
45	Đề nghị xây dựng Dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi)	Quý I	Bộ KHĐT

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
46	Dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi)	Năm 2022	Bộ KHĐT
47	Đề nghị xây dựng Dự án Luật Khu công nghiệp, khu kinh tế	Tháng 12	Bộ KHĐT
48	Nghị định của Chính phủ quy định nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn GDP	Tháng 5	Bộ KHĐT
49	Nghị định sửa đổi Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê quốc gia	Tháng 12	Bộ KHĐT
50	Nghị định về hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và cơ chế hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ đối với vị trí việc làm được xác định là viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập	Tháng 3	Bộ NV
51	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP, Nghị định số 112/2020/NĐ-CP	Tháng 1	Bộ NV
52	Nghị định quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ quản lý (thay thế các Nghị định: Nghị định số 53/2015/NĐ-CP ngày 29/5/2015 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức và Nghị định số 104/2020/NĐ-CP ngày 04/9/2020 sửa đổi Nghị định số 53/2015/NĐ-CP ngày 29/5/2015 của Chính phủ)	Tháng 1	Bộ NV
53	Nghị định quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập (phù hợp với quy định mới tại khoản 4 Điều 169, Bộ Luật lao động năm 2019)	Tháng 1	Bộ NV
54	Dự án Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở	Năm 2022	Bộ NV

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
55	Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật ngưỡng, tôn giáo	Tháng 11	Bộ NV
56	Dự án Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi)	Tháng 6	Bộ YT
57	Dự án Luật Dân số (thay thế Pháp lệnh dân số)	Tháng 2	Bộ YT
58	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2018/QĐ-TTg ngày 18/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục và lộ trình phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải loại bỏ và các tổ máy phát điện hiệu suất thấp không được xây dựng mới	Năm 2022	Bộ KH-CN
59	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng	Năm 2022	Bộ KH-CN
60	Dự án Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi)	Năm 2022	Bộ VHTTDL
61	Nghị định Quản lý bảo vệ và phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục quốc gia và Di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh	Năm 2022	Bộ VHTTDL
62	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo - phần về Điện ảnh)	Năm 2022	Bộ VHTTDL

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
63	Nghị định về một số chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động chuyên môn trong các đơn vị sự nghiệp nghệ thuật công lập	Năm 2022	Bộ VHTTDL
64	Nghị định về hoạt động văn học	Năm 2022	Bộ VHTTDL
65	Nghị định quy định về tiêu chuẩn, quy trình xét danh hiệu "Gia đình tiêu biểu", "thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố tiêu biểu", "xã, phường, thị trấn tiêu biểu"	Năm 2022	Bộ VHTTDL
66	Dự án Luật Đất đai (sửa đổi)	Tháng 3	Bộ TNMT
67	Đề nghị xây dựng Dự án Luật Khoáng sản (sửa đổi)	Tháng 7	Bộ TNMT
68	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 201/2013/NĐCP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước	Tháng 10	Bộ TNMT
69	Dự án Luật Phòng, chống rửa tiền (sửa đổi)	Năm 2022	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
70	Nghị định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân, hàng	Quý II	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
71	Nghị định của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	Quý I	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
III	Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số		
72	Đề án nâng cao năng lực của cơ quan quản lý thị trường trong xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính	Năm 2022	Bộ CT
73	Đề án cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm công nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghiệp ưu tiên phát triển và các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương	Năm 2022	Bộ CT
74	Nghị quyết của Chính phủ về phát triển hợp tác xã nông nghiệp phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới	Quý I	Bộ NNPTNT
75	Chương trình quốc gia phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững	Quý II	Bộ NNPTNT
76	Chương trình quốc gia phát triển nuôi trồng thủy sản	Quý II	Bộ NNPTNT
77	Đề án nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thủy sản	Quý II	Bộ NNPTNT
78	Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến nguồn lợi và môi trường biển.	Quý III	Bộ NNPTNT
79	Đề án Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030	Quý IV	Bộ NNPTNT
80	Đề án Đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp	Quý IV	Bộ NNPTNT

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
81	Đề án Phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030	Quý IV	Bộ NNPTNT
82	Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quý III	Bộ NNPTNT
83	Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025	Tháng 1	Bộ KHĐT
84	Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	Tháng 6	Bộ KHĐT
85	Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023	Tháng 12	Bộ KHĐT
86	Đề án Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	Tháng 9	Bộ KHĐT
87	Đề án Tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	Tháng 9	Bộ KHĐT
88	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, thoái vốn và sắp xếp giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại Quyết định 22/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân loại DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025	Quý I	Bộ KHĐT
89	Nghiên cứu xây dựng, triển khai chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động	Quý IV	Bộ KHĐT

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
90	Chiến lược tổng thể đầu tư phát triển doanh nghiệp do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp làm đại diện chủ sở hữu	Quý I	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại DN
91	Đề án Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2021-2025 của từng tập đoàn, tổng công ty do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp làm đại diện chủ sở hữu	Năm 2022	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại DN
92	Chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển và kế hoạch sản xuất, kinh doanh 5 năm của từng tập đoàn, tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, giao Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp làm đại diện chủ sở hữu	Năm 2022	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại DN
IV	Phát triển nhanh hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại		
93	Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030, có xét đến năm 2045	Năm 2022	Bộ CT
94	Quy hoạch hạ tầng Thông tin và Truyền thông quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Năm 2022	Bộ TTTT
V	Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo		
95	Quyết định của Thủ tướng chính phủ ban hành danh mục các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh	Tháng 10	Bộ LĐTBXH
96	Xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quý III	Bộ GDĐT
97	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Quý IV	Bộ GDĐT

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
98	Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Quý IV	Bộ GDĐT
99	Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo (3 và 4 tuổi) và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Tháng 12	Bộ GDĐT
100	Tổ chức thẩm định sách giáo khoa lớp 4, lớp 8 và lớp 11; triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 3, lớp 7 và lớp 10 bảo đảm tiến độ và chất lượng	Tháng 12	Bộ GDĐT
101	Đề án Phát triển hệ thống đánh giá định kỳ quốc gia, quốc tế nhằm tăng cường giám sát, nâng cao chất lượng giáo dục và hội nhập quốc tế	Quý II	Bộ GDĐT
102	Đề án Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao	Quý IV	Bộ GDĐT
103	Đề án nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở	Năm 2022	Bộ GDĐT
104	Đề án xây dựng mô hình nguồn tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học	Năm 2022	Bộ GDĐT
105	Đề án hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2030	Năm 2022	Bộ GDĐT
106	Đề án Hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn giai đoạn 2021-2025	Năm 2022	Bộ GDĐT
107	Đề án "Kế hoạch phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030"	Quý IV	Bộ KH-CN
108	Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ trí thức giai đoạn 2021- 2030	Năm 2022	Bộ KH-CN

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
109	Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Năm 2022	Bộ KH-CN
110	Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ 2021-2030	Năm 2022	Bộ KH-CN
VI	Thúc đẩy phát triển liên kết vùng, khu kinh tế và phát triển đô thị, kinh tế đô thị, nhanh tiến độ lập, phê duyệt các quy hoạch		
111	Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Năm 2022	Bộ XD
112	Quy hoạch tổng thể quốc gia	Tháng 12	Bộ KHĐT
113	5 quy hoạch vùng (Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ, Quy hoạch vùng Tây Nguyên, Quy hoạch vùng Bắc trung bộ và duyên hải Miền trung, Quy hoạch vùng Đồng Bằng Sông Hồng, Quy hoạch vùng Trung du và Miền núi phía bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050)	Tháng 12	Bộ KHĐT
114	Đề án cơ chế, chính sách liên kết vùng Nam Phú Yên - Bắc Khánh Hòa	Năm 2022	Bộ KHĐT
115	Quy hoạch không gian biển quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Năm 2022	Bộ TN-MT
VII	Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam		
116	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau" giai đoạn 2021-2025	Tháng 4	Bộ LĐTBXH
117	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025	Tháng 6	Bộ LĐTBXH

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
118	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025	Tháng 11	Bộ LĐTBXH
119	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường công tác chăm sóc người có công với cách mạng, thiết thực kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh - liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2022)	Tháng 3	Bộ LĐTBXH
120	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 12	Bộ YT
121	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế	Tháng 12	Bộ YT
122	Đề án phát triển mạng lưới thành phố sáng tạo nằm trong hệ thống thành phố sáng tạo UNESCO	Năm 2022	Bộ VH TTDL
123	Đề án Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ đến năm 2030	Năm 2022	Bộ VH TTDL
124	Đề xuất việc xây dựng Chương trình tổng thể quốc gia về phát triển văn hóa Việt Nam	Quý I	Bộ VH TTDL
125	Đề án Ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 trong xây dựng sản phẩm chủ lực của ngành văn hóa, thể thao và du lịch	Năm 2022	Bộ VH TTDL
126	Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Năm 2022	Bộ VH TTDL
127	Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Năm 2022	Bộ VH TTDL

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
128	Đề án Lễ tuyên dương người có uy tín, nhân sỹ trí thức và doanh nhân tiêu biểu dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ II năm 2023	Tháng 8	Ủy ban Dân tộc
129	Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, năm 2022	Tháng 9	Ủy ban Dân tộc
130	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 12	Ủy ban Dân tộc
131	Đề án Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc	Quý II	Ủy ban Dân tộc
132	Đề án Hỗ trợ giáo dục học tập theo vòng đời cho học sinh dân tộc thiểu số tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Tháng 12	Ủy ban Dân tộc
133	Chiến lược phát triển ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Năm 2022	Bảo hiểm xã hội Việt Nam
VIII	Quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu		
134	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Năm 2022	Bộ XD
135	Đề án bảo đảm An ninh nguồn nước giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2045	Quý II	Bộ NNPTNT

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
136	Đề án thành lập mới các khu bảo tồn biển, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2025, đảm bảo diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3% diện tích các vùng biển Việt Nam	Quý IV	Bộ NNPTNT
137	Đề án bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản	Quý IV	Bộ NNPTNT
138	Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia	Quý II	Bộ NNPTNT
139	Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh	Tháng 4	Bộ KHĐT
140	Chiến lược khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Quý I	Bộ TNMT
141	Chương trình thương hiệu Biển Việt Nam đến năm 2025	Năm 2022	Bộ TNMT
142	Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 7	Bộ TNMT
143	Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 11	Bộ TNMT
144	Lập Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 7	Bộ TNMT
145	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 10	Bộ TNMT
146	Chiến lược sử dụng đất quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Năm 2022	Bộ TNMT
147	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 11	Bộ TNMT

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
148	Nghị quyết của Quốc hội về tăng cường nguồn lực đầu tư cho công tác điều tra cơ bản và quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, hải đảo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển	Tháng 12	Bộ TNMT
149	Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển quốc gia đến năm 2030	Tháng 12	Bộ TNMT
150	Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 12	Bộ TNMT
151	Nhiệm vụ Lập Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2050, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 11	Bộ TNMT
152	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050	Tháng 6	Bộ TNMT
153	Kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2030	Tháng 10	Bộ TNMT
154	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng - Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 12	Bộ TNMT
155	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết danh mục dự án xanh, tiêu chí, điều kiện xác định dự án xanh và việc xác nhận dự án xanh	Tháng 12	Bộ TNMT
156	Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030	Tháng 12	Bộ TNMT
157	Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp đột phá triển khai thỏa thuận tại COP26 về biến đổi khí hậu	Tháng 4	Bộ TNMT

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
158	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	Tháng 3	Bộ TNMT
IX	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí		
159	Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2030	Tháng 12	TTCP
160	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về mạng số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước	Tháng 10	Bộ TTTT
161	Đề án mô hình tổ chức chính quyền đô thị trực thuộc cấp tỉnh	Tháng 11	Bộ NV
162	Đề án Bảo hiểm tài liệu lưu trữ quốc gia giai đoạn II (2021 - 2030)	Năm 2022	Bộ NV
163	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính	Tháng 3	VPCP
164	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau.	Tháng 6	VPCP
165	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước	Tháng 6	VPCP

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
166	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Tháng 3	VPCP
167	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu và Công tham vấn quy định kinh doanh	Tháng 3	VPCP
X	Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội		
168	Đề án Cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp quân đội đến 2025	Tháng 3	Bộ QP
169	Đề án Quy hoạch chi tiết Khu kinh tế - quốc phòng biên, đảo Tây Nam Bộ/QK9 đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Tháng 6	Bộ QP
170	Đề án Quân đội tham gia lao động sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng trong tình hình mới	Tháng 9	Bộ QP
171	Đề án Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia trên biển, đảo	Tháng 12	Bộ QP
XI	Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, góp phần củng cố vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế		
172	Đề án đảm nhiệm thành viên Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2023-2025	Tháng 12	Bộ NG

TT	NHIỆM VỤ	Thời gian trình CP, TTgCP	Cơ quan chủ trì xây dựng, trình và theo dõi, đánh giá
173	Đề án phát triển quan hệ giữa Việt Nam và các nước khu vực Mỹ Latinh giai đoạn 2022-2030	Tháng 6	Bộ NG
XII	Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội		
174	Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Năm 2022	Bộ TTTT